

Bản án số: 121/2019/HSST

Ngày: 11/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều
2. Ông Đinh Tình Thanh Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 671/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn N (tên gọi khác: Trần Văn N, T), sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; nơi đăng ký tạm trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn Ú (chết) và bà Nghiêm Thị N; có vợ Cù Thị Thanh G (không đăng ký kết hôn); tiền án: Ngày 04/11/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số: 443/2014/HSST, ngày 15/5/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 35/2017/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/4/2004 bị đưa đi cai nghiện ma túy theo Nghị định 20/CP của Chính Phủ trong thời gian 24 tháng tại Trung tâm giáo dục dạy nghề Thanh thiếu niên II đến ngày 29/5/2005 trốn khỏi trung tâm, ngày 28/7/2006 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số: 228/2006/HSST, ngày 14/6/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 ra quyết định khởi tố bị can bắt tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/6/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Bùi Hữu D, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 124/19 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường X, quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Kim P, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Số 2266/18/3 đường Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, Phường X, quận Y, Thành phố H. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn 8A, xã Đinh Trang H, huyện Di L, tỉnh Lâm Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 07 giờ ngày 05/6/2019, Trần Văn N điều khiển xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, biển số: 49N9-9283 đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến trước nhà số 385/32 đường Nguyễn Trãi, Phường X, quận Y, Thành phố H, N thấy cửa nhà mở, không ai trong nhà nên N dừng xe, đi bộ đến lấy trộm 01 đôi giày màu đen, hiệu Nike và 01 đôi giày màu đen, đế màu trắng không có hiệu của ông Bùi Hữu D để trên kệ ngay cửa nhà rồi đem ra để trên túi nhựa màu xanh trên ba ga xe mô tô rồi điều khiển xe bỏ chạy. Lúc này, ông D phát hiện tri hô, chạy đuổi theo Nhựt, Nhựt điều khiển xe máy bỏ chạy khoảng 100 mét đến trước nhà số 286/20 đường Trần Hưng Đạo, Phường X, quận Y, Thành phố H thì bị ông Phan Tấn C nghe tri hô nên đập vào đầu xe làm xe của N va quệt vào xe mô tô hiệu Yamaha, loại Mio biển số 54P1-4351 của bà Trần Kim P đang điều khiển làm cả hai té xuống đường, N bị bắt giữ cùng vật chứng giao Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang rồi chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xử lý.

Theo bản kết luận số: 201/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 đôi giày màu đen, hiệu Nike và 01 đôi giày màu đen, đế màu trắng, không có hiệu đã qua sử dụng trị giá là 227.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, mặc dù tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng qua xác minh nhân thân Nhựt có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên đủ cơ sở để khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nhựt.

Bản cáo trạng số: 121/CT-VKSQ1 ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 đôi giày màu đen, hiệu Nike và 01 đôi giày màu đen, đế màu trắng, không có hiệu đã qua sử dụng đã trả lại người bị hại ông D và không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 áo thun tay dài, sọc ngang màu trắng – nâu; 01 quần dài màu xám; 01 túi nhựa màu xanh cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, biển số: 49N9-9283, số máy: VMEM9B440434, số khung: RLGH125ED4D440434 cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá,... nên có căn cứ để kết luận, bị cáo Trần Văn N đã có hành vi lợi dụng sự không đề ý của ông D lén lút chiếm đoạt tài sản của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và

hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 227.000 đồng nhưng bị cáo có nhân thân xấu lại có 02 tiền án về tội cướp giật tài sản và tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với việc bị cáo N điều khiển xe mô tô trong lúc bỏ chạy đã va quệt xe với bà Trần Kim P. Do thương tích của bà P không đáng kể, không có thiệt hại về tài sản và bà P không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 không xử lý là có cơ sở.

[7]. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 đôi giày màu đen, hiệu Nike và 01 đôi giày màu đen, đế màu trắng, không có hiệu đã qua sử dụng đã trả lại người bị hại ông D và không có yêu cầu nào nên không xét.

- Đối với 01 áo thun tay dài, sọc ngang màu trắng – nâu; 01 quần dài màu xám; 01 túi nhựa màu xanh là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, biển số: 49N9-9283, số máy: VMEM9B440434, số khung: RLGH125ED4D440434. Kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi nhưng qua xác minh biển số: 49N1-9283 do bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1975; trú tại thôn 8A, xã Đình Trang H, huyện Di L, tỉnh Lâm Đ đứng tên đăng ký xe loại ENJOY 125, số máy: VMKADAD001178, số khung: RLGAU12AD8D001178. Qua xác minh bà H hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ và xác minh số máy: VMEM9B440434, số khung: RLGH125ED4D440434 không có dữ liệu lưu trữ. N khai xe trên nhận cầm của người thanh niên tên Đ không rõ lai lịch tại gầm cầu Tân Thuận, Quận Y, Thành phố H. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nên yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Trần Văn N (tên gọi khác: Trần Văn N, T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2019.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun tay dài, sọc ngang màu trắng – nâu; 01 (một) quần dài màu xám; 01 (một) túi nhựa màu xanh.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 119/19-PNK ngày 25/6/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Giao 01 (một) xe gắn máy hiệu SYM, loại Attila, biển số: 49N9-9283, số máy: VMEM9B440434, số khung: RLGH125ED4D440434 cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 227-19/PNK ngày 25/6/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Trần Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân